

Số: /TM-BG

Tuy Hòa, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI

V/v Cung cấp báo giá các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa phòng 06 tháng (Từ tháng 7 đến tháng 12/2024).

Kính gửi:

Bệnh viện Sản Nhi có nhu cầu thực hiện việc in ấn các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa, phòng 06 tháng (Từ tháng 7 đến tháng 12/2024), với danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật các biểu mẫu như sau:

STT	Nội dung biểu mẫu	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Bảng kê vật tư tiêu hao phòng mổ	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
2	Bảng kiểm tra an toàn phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
3	Bảng kiểm trước tiêm chủng	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	6.000
4	Bệnh án nhi khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	4.000
5	Bệnh án sản khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	6.000
6	Bệnh án sơ sinh	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.600
7	Bì đựng phim 25x25cm	Kích thước:25x25(cm)	Bì	4.200
8	Bì thư A3	Độ trắng giấy \geq 90	Bì	30
9	Bì thư A5	Độ trắng giấy \geq 90	Bì	50
10	Bì thư Đảng A5	Độ trắng giấy \geq 90	Bì	50
11	Bì thư nhỏ 20x14cm	Độ trắng giấy \geq 90	Bì	70
12	Bìa bệnh án trắng	Giấy bia Couche, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy \geq 150gsm; màu trắng bóng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy \geq 10 tờ	Tờ	7.000

13	Bìa bệnh án vàng	Giấy bìa Fo, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 180\text{gsm}$; màu vàng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	1.500
14	Bìa bệnh án xanh	Giấy bìa Fo, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 180\text{gsm}$; màu xanh; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	8.080
15	Biên bản nghiệm thu máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	500
16	Biểu đồ chuyển dạ	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.000
17	Giấy cam đoan (truyền máu sàng lọc máu cấp cứu)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.400
18	Giấy cam đoan chấp nhận PT, TT và GMHS	Khổ giấy A5; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	7.260
19	Giấy đi đường mẫu C16	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	50
20	Nẹp cấp cứu	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	20
21	Nẹp hô hấp	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
22	Nẹp mỏ đê	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
23	Nẹp ngoại liên CK	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
24	Nẹp Sản bệnh lý	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
25	Nẹp sinh thường	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
26	Nẹp sơ sinh	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
27	Nẹp tạp bệnh	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
28	Nẹp tiêu hóa	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
29	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	26.000
30	Phiếu com (từ sê ri:)	Khổ giấy: (6 x 21) cm; in 01 mặt; quyền 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; Bắt đầu từ Quyền 37, số sê ri 0011601; có đường cán rãnh cưa ở giữa	Quyền	60

31	Phiếu cháo (từ sê ri:)	Khổ giấy: (6 x 21) cm; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; Bắt đầu từ Quyển 37, số sêri 0011601; có đường cán rãnh cửa ở giữa	Quyển	60
32	Phiếu chăm sóc	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	45.400
33	Phiếu đánh giá dinh dưỡng (cho PN thời kỳ mang thai)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	500
34	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (áp dụng cho PN thời hậu sản)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.400
35	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (dùng cho BN > 18T không mang thai)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	900
36	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (dùng cho trẻ em nằm viện)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	7.700
37	Phiếu điện tim	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.700
38	Phiếu gây mê hồi sức	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.000
39	Phiếu khai thông tin người bệnh	Khổ giấy A5; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	25.000
40	Phiếu khám chữa bệnh theo yêu cầu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	7.100
41	Phiếu khử khuẩn	Kích thước: (4,0 x 7,5) cm; giấy Bistone $\geq 100\text{gsm}$; có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	8.000
42	Phiếu phân loại nhóm máu (loại tốt)	KT: Khổ (13,5x8x5) cm; Giấy Bistone $\geq 300\text{g}$ có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	8.000
43	Phiếu tiệt khuẩn	Kích thước: (4,0 x 7,5) cm; giấy Bistone $\geq 100\text{gsm}$; có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	8.000
44	Phiếu theo dõi chức năng sống	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	23.000
45	Phiếu theo dõi truyền dịch	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	14.600
46	Phiếu thu	Khổ giấy A5 ngang; in 01 mặt; quyển 55 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ;	Quyển	20
47	Phiếu truyền máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.600
48	Phiếu xác nhận đồng ý XN HIV	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	6.200

49	Phiếu XN giải phẫu bệnh sinh thiết	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.700
50	Sổ bàn giao bệnh phẩm	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	12
51	Sổ bàn giao dụng cụ thanh trùng	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90;	Quyển	8
52	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90;	Quyển	18
53	Sổ bàn giao đồ vải bẩn nhà giặt	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90;	Quyển	10
54	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	32
55	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	12
56	Sổ báo ăn uống người bệnh	Khổ giấy A3; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	3
57	Sổ biên bản hội chẩn	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	3
58	Sổ công văn đi	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	3
59	Sổ đơn thuốc	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	69
60	Sổ ghi kết quả huyết học	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	2
61	Sổ họp giao ban	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	38
62	Sổ kiểm tra	Khổ giấy (30x32)cm; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	18
63	Sổ KQ test nhanh	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	5
64	Sổ lĩnh thuốc gây nghiện hướng tâm thần và tiền chất	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	11
65	Sổ lĩnh và phát máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	13
66	Sổ lĩnh vật tư	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	6
67	Sổ nghỉ phép	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	4
68	Sổ phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	8

69	Sổ quản lý TVXN HIV tại cơ sở	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	6
70	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ,	Quyển	8
71	Sổ theo dõi nhập xuất thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	6
72	Sổ thực hiện thuốc hàng ngày	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	72
73	Sổ thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	52
74	Sổ xét nghiệm HIV	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
75	Sổ yêu cầu sửa chữa (Hành chính)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	14
76	Sổ yêu cầu sửa chữa (VTTTBYT)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	11
77	Tờ điều trị	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	39.000
78	Trích biên bản hội chẩn	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	320

Bệnh viện Sản Nhi đề nghị quý công ty báo giá theo danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật, số lượng các biểu mẫu nêu trên.

*** Thời gian, địa điểm nộp chào giá:**

- Thời gian nộp bảng chào giá: Đến hết ngày 28/6/2024.
- Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, phường 6, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: 0257. 383 5109

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Đăng trang TTĐT Sở Y tế;
- Đăng trang TTĐT BV Sản Nhi;
- Ban GD Bệnh viện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Ý